

# Áp lực bán vẫn chưa suy yếu

## Thông tin chỉ số VN30

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 1,255 điểm. Về hoạt động khối ngoại, hoạt động bán quay trở lại. Giá trị bán ròng ở mức 467 tỷ đồng trong tuần giao dịch trước. Đáng chú ý, hoạt động bán ròng tập trung chủ yếu trên HPG, SSI, và VIC.

## Đồ thị VN30 Future: Áp lực bán ở mức cao quanh 1,300 điểm

VN30F2205 giảm trong phiên giao dịch trước khi áp lực bán vẫn duy trì ở mức cao quanh vùng 1,300 điểm. Tuy nhiên, hợp đồng này khả năng cao sẽ duy trì dao động quanh vùng 1,200-1,300 điểm. Vùng 1,200 điểm sẽ là vùng cầu quan trọng trong các phiên giao dịch kế tiếp. Đáng chú ý, các đường MA chủ đạo hướng xuống, xu hướng giảm vẫn là xu hướng chủ đạo. Trong trường hợp này, traders nên đứng ngoài quan sát và chờ tín hiệu tin cậy hơn sau khi giai đoạn tích lũy kết thúc.

## Chiến lược đầu tư

Hợp đồng này khả năng cao sẽ duy trì dao động quanh vùng 1,200-1,300 điểm và độ biến động sẽ duy trì ở mức cao. Trong trường hợp này, traders nên tiếp tục đứng ngoài quan sát và chờ tín hiệu tin cậy hơn sẽ xuất hiện sau giai đoạn tích lũy ngắn hạn.

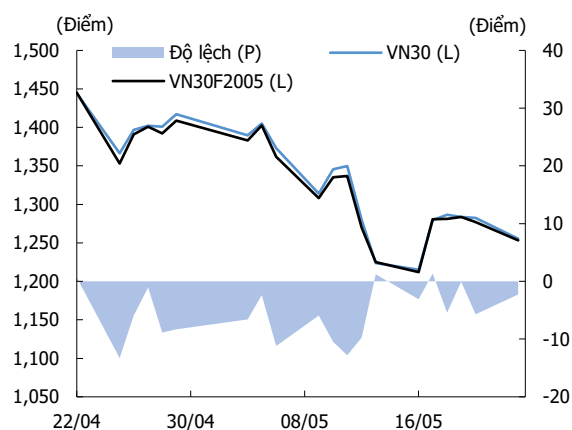
**Bảng 1. Thống kê hợp đồng tương lai**

	Giá đóng cửa	+/- %	KL giao dịch	KL Mở	Fair Value	Ngày thanh toán	Thời gian còn lại
VN30 Index	1,255.4	(2.1)					
VN30F2206	1,253.1	(1.9)	324,733	29,476	1,285	16/06/22	26
VN30F2207	1,251.0	(1.3)	822	163	1,287	21/07/22	61
VN30F2209	1,240.0	(1.8)	153	161	1,292	15/09/22	117
VN30F2212	1,244.9	(1.1)	60	138	1,299	15/12/22	208

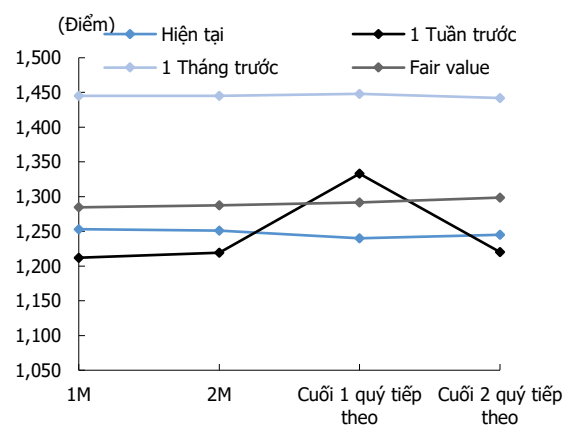
Nguồn: Bloomberg, KIS

**Hình 1. Đồ thị nến theo giờ - VN30**

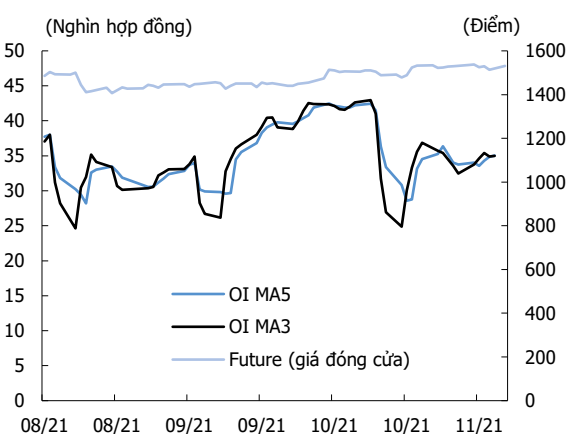
Nguồn: Bloomberg, KIS. Giá được điều chỉnh theo phương pháp Continuous Adjustment

**Hình 2. Basis spread**

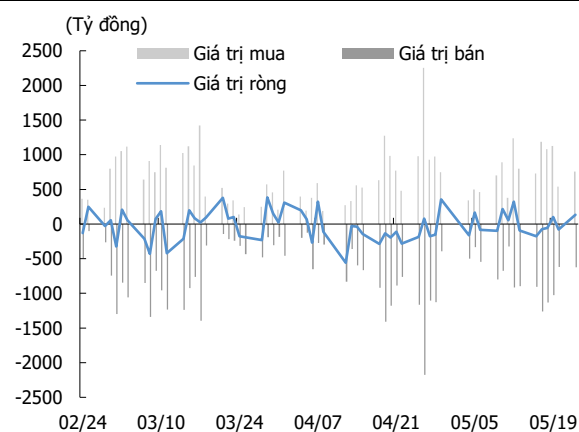
Nguồn: Bloomberg, KIS

**Hình 3. Đường cong giá hợp đồng tương lai**

Nguồn: Bloomberg, KIS

**Hình 4. Open interest**

Nguồn: Bloomberg, KIS

**Hình 5. Giao dịch khối ngoại hàng ngày**

Nguồn: Bloomberg, KIS

**Bảng 2. Danh sách cổ phiếu VN30**

(Tỷ đồng, đồng, %, x, nghìn CP)

Mã	Tên	Ngành	Vốn hóa	Tỷ trọng	Giá đóng cửa	% ngày	PER	PBR	KLGD 3 tháng	SH Nước Ngoài	Cao 52 Tuần	Thấp 52 Tuần
ACB	Ngân hàng Á Châu	Tài chính	76,870	5.47	28,450	(2.1)	7.4	1.59	4,731	30.0	38,200	27,500
BID	BIDV	Tài chính	168,702	0.57	33,350	(3.3)	14.7	1.95	2,182	16.8	49,950	30,055
BVH	Tập đoàn Bảo Việt	Tài chính	37,710	0.32	50,800	1.2	19.9	1.74	1,699	26.4	70,000	47,000
CTG	VietinBank	Tài chính	120,144	1.51	25,000	(3.5)	9.8	1.23	6,182	26.0	42,535	23,500
FPT	FPT Corp	CNTT	88,220	6.23	96,500	(1.0)	18.7	4.57	2,585	49.0	118,900	79,000
GAS	PV Gas	Dịch vụ tiện ích	198,094	0.83	103,500	(1.0)	20.3	3.63	859	2.9	128,400	80,000
GVR	Tập đoàn CN Cao su VN	Nguyên vật liệu	94,800	0.32	23,700	0.0	21.6	1.91	2,363	0.5	43,300	21,000
HDB	HDBank	Tài chính	48,695	2.83	24,200	(0.6)	7.5	1.56	3,952	16.3	33,950	21,500
HPG	Hòa Phát	Nguyên vật liệu	164,380	7.57	36,750	(2.4)	4.9	1.66	21,248	21.6	58,400	35,750
KDH	Nhà Khang Điền	Bất động sản	26,296	1.43	40,900	(1.2)	21.8	2.51	1,226	32.7	57,500	33,182
MBB	MBBank	Tài chính	99,370	4.58	26,300	(2.6)	7.3	1.55	14,233	23.2	34,900	24,100
MSN	Tập đoàn Masan	TD thiết yếu	148,039	4.96	104,500	(3.1)	14.8	5.39	1,146	28.7	145,833	85,700
MWG	Thế giới di động	TD không thiết yếu	95,749	5.61	130,800	(2.4)	18.6	4.28	1,844	49.0	162,800	90,000
NVL	Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland)	Bất động sản	148,959	4.32	76,400	(1.8)	35.2	4.08	4,063	6.4	94,351	72,500
PDR	BDS Phát Đạt	Bất động sản	35,597	1.19	53,000	(1.5)	19.1	4.88	3,946	2.3	73,221	52,000
PLX	Petrolimex	Năng lượng	51,141	0.43	40,250	(0.6)	20.6	2.01	2,198	17.2	65,900	37,050
PNJ	Vàng Phú Nhuận	TD không thiết yếu	25,327	1.80	104,500	(1.4)	8.1	3.16	1,156	52.2	124,000	84,900
POW	Điện Lực Dầu khí Việt Nam	Dịch vụ tiện ích	29,859	0.63	12,750	(0.4)	14.9	1.02	13,724	2.1	20,800	9,980
SAB	SABECO	TD thiết yếu	98,821	0.91	154,100	(1.5)	25.8	4.62	176	62.7	181,400	139,800
SSI	Chứng khoán SSI	Tài chính	26,308	1.54	26,500	(6.9)	8.8	1.76	11,111	36.8	57,700	25,050
STB	Sacombank	Tài chính	38,364	3.05	20,350	(5.8)	9.7	1.08	16,468	20.9	36,700	18,600
TCB	Techcombank	Tài chính	122,355	6.66	34,850	(2.4)	6.4	1.25	7,621	22.5	58,600	32,550
TPB	Ngân hàng Tiên Phong	Tài chính	47,453	2.19	30,000	(4.5)	9.1	1.73	4,618	30.0	44,000	23,259
VCB	Vietcombank	Tài chính	352,099	3.24	74,400	(1.2)	15.3	3.01	1,231	23.6	96,000	73,000
VHM	Vinhomes	Bất động sản	290,436	6.76	66,700	(0.1)	7.6	2.25	4,477	23.3	93,769	59,200
VIC	VinGroup	Bất động sản	295,199	8.02	77,400	(0.5)	79	2.82	2,818	12.6	112,444	72,700
VJC	Vietjet Air	Công nghiệp	67,701	2.83	125,000	(0.2)	30.1	3.96	791	16.9	149,000	105,800
VNM	VINAMILK	TD thiết yếu	138,564	4.64	66,300	(2.6)	15.1	4.30	2,592	54.4	93,600	65,200
VPB	VPBank	Tài chính	130,252	7.63	29,300	(4.2)	7.6	1.50	18,204	17.5	41,050	28,950
VRE	Vincom Retail	Bất động sản	62,148	1.93	27,350	0.0	68.2	2.01	4,938	31.1	37,000	25,100

Nguồn: Bloomberg, KIS

## Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2022 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.